

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST

Ngày 13-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Lâm Hồng

Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thảo Thị T4, ông Vũ Đức Chung và bà Phạm Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13/1/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 49/2020/TLST- HS ngày 27/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HS ngày 31/12/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam.

Sinh ngày 12 tháng 12 năm 1984 tại huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên

Nơi cư trú: Thôn VH, xã Văn H, huyện Đồng H, Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 6/12

Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 27/2/2019 bị TAND huyện Bắc S, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” .

Nhân thân:

- Ngày 14/1/2004 bị TAND huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”;
- Ngày 19/11/2004 bị TAND huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản”;
- Ngày 28/8/2013 bị TAND huyện Võ Nh, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;
- Ngày 27/9/2013 bị TAND huyện Võ Nh, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh”.

Con ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1966 và bà Trần Thị N, sinh năm 1961. Bị cáo chung sống như vợ chồng với Phạm Thị M, sinh năm 1978. Bị cáo có 01 con sinh năm 2018.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/9/2020, tạm giam từ ngày 06/10/2020. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:* Ông Lê Trường S, Luật sư Công ty Luật hợp danh Thủy Vỹ, Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Nguyễn Việt T2, nơi cư trú: Tổ 11, thị trấn KY, huyện Văn B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Tuấn Ng, nơi cư trú: Tổ 11, thị trấn KY, huyện Văn B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

3. Ông Hứa Thanh Y, nơi cư trú: Thôn 3 Minh Th, xã Minh L, huyện Văn B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI D1 VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D1 vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2020, Nguyễn Văn T đến huyện Văn B, tỉnh Lào Cai thuê nhà để ở và có quen biết với Lương Thị D (trú tại thôn 2 Minh Th, xã Minh L, huyện Văn B, Lào Cai). Trong một lần đến nhà D, T có gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi giới thiệu tên là T4, nhà ở huyện YC, tỉnh Sơn La. T biết T4 mang ma túy sang Lào Cai bán.

Trước ngày bị bắt một tuần, có một người phụ nữ tên D1 (T mới quen biết tại nhà D, không biết lai lịch, địa chỉ) gọi điện cho T đặt vấn đề mua ma túy, T

đồng ý. T và D1 thỏa thuận giá loại ma túy đá là 45.000.000 đồng/01 lạng, Heroine 25.000.000 đồng/01 cây, ma túy viên hồng 4.500.000 đồng/01 túi (mỗi túi có 200 viên), số lượng bao nhiêu D1 cũng lấy. Khoảng ba ngày sau, T gọi điện cho T4 hỏi mua ma túy, T4 đồng ý và bảo T sang thị trấn YC, huyện YC, tỉnh Sơn La để trao đổi cụ thể. Ngày 25/9/2020, T sang thị trấn YC gặp T4. Tại đây, T và T4 thống nhất: T4 bán cho T 02 lạng ma túy đá; 02 cây ma túy Heroine và 07 gói ma túy loại viên Hồng phiên với tổng số tiền là 94.000.000 đồng, nhưng T4 bớt cho T 2.000.000 đồng. Ngoài ra, hai người còn thỏa thuận, khi nào T bán được ma túy T4 mới lấy tiền và T4 hứa sẽ cho T thêm 5.000.000 đồng. Do T không có tiền để về Lào Cai, T4 đã đưa cho T 1.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy của T4, T mang số ma túy trên về nơi ở của mình tại thôn 3 Minh Th, xã Minh L, huyện Văn B, lấy 01 gói ma túy loại viên Hồng phiên ra cất giấu vào ống kẽm. Đến sáng ngày 26/9/2020, T gọi điện thông báo cho D1 đã có ma túy, số lượng là 02 lạng ma túy đá, 02 cây ma túy Heroine và 06 gói ma túy loại viên Hồng phiên với tổng số tiền là 167.000.000 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu đồng), D1 đồng ý và hẹn gặp để giao nhận. Khoảng 09 giờ ngày 27/9/2020, T trên đường vận chuyển số ma túy trên đi bán cho D1, khi đến khu vực tổ 11, thị trấn KY, huyện Văn B thì bị Công an huyện Văn B bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật. Cùng ngày, Công an huyện Văn B khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Nguyễn Văn T, tại thôn 3 Minh Th, xã Minh L, huyện Văn B, tỉnh Lào Cai thu giữ 01 túi nilon bên trong chứa 164 viên nén màu hồng và màu xanh, 01 hợp đồng thuê mặt bằng nhà ở và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn T.

Kết luận giám định số 208/GĐMT ngày 08/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Mẫu M1: 200,01 gam các cục tinh thể màu trắng là loại chất ma túy Methamphetamine; Mẫu M2: 75,52 gam chất bột khô màu trắng là loại chất ma túy Heroine; Mẫu M3 và M5: 134,71 gam các viên nén hình trụ màu hồng là loại chất ma túy Methamphetamine; Mẫu M4 và M6: 1,29 gam các viên nén hình trụ màu xanh không phải là chất ma túy (BL 30).

Cáo trạng số 66/CT-VKS-P1 ngày 25/11/2020 của VKSND tỉnh Lào Cai đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trong bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu lời luận tội và tranh luận: Giữ nguyên nội D1 bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 4 điều 251 Bộ luật hình sự. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án tù chung thân. Ngoài hình phạt chính không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Xử lý vật chứng, tuyên quyền kháng cáo, án phí theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T, ông Lê Trường S trình bày ý kiến: Nhất trí với tội danh và điều luật của Viện kiểm sát đã truy tố. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án 20 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội D1 vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 25/9/2020, Nguyễn Văn T đã có hành vi mua 334,72 gam ma túy Methamphetamine, 75,52 gam ma túy Heroine từ người đàn ông tên T4 ở huyện YC, Sơn La, trong đó 319,5 gam ma túy Methamphetamine và 75,52 gam ma túy Heroine để bán cho người phụ nữ tên D1 (không rõ lai lịch, địa chỉ) nhằm kiếm lời, còn 15,22 gam Methamphetamine bị cáo giữ lại để sử dụng. Ngày 27/9/2020, trong khi đang trên đường mang ma

túy đến khu vực tổ 11, thị trấn KY, huyện Văn B để bán cho D1, T bị cơ quan Công an huyện Văn B bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu T tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Bản cáo trạng số 66/CT-VKS-P1 ngày 25/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung là “*Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này*” quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm vào chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo nghiêm minh theo quy định của pháp luật để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn T trước khi phạm tội có nhân thân xấu. Ngày 14/1/2004 bị TAND huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 19/11/2004 bị TAND huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản”; ngày 28/8/2013 bị TAND huyện Võ Nh, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; ngày 27/9/2013 bị TAND huyện Võ Nh, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh” (đều đã được xóa án tích). Bị cáo có 01 tiền án: Ngày 27/2/2019 bị TAND huyện Bắc S, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích thì ngày 27/9/2020, bị cáo Nguyễn Văn T lại tiếp tục thực hiện hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều T khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, khối lượng 334,72 gam ma túy Methamphetamine, 75,52 gam ma túy Heroine thu giữ của bị cáo là lớn, tuy nhiên không cần thiết phải loại bỏ vĩnh viễn bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ

cần xử phạt bị cáo hình phạt tù chung thân cũng đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T xử phạt bị cáo mức án 20 năm tù là quá nhẹ, không phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo nên không được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn T không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về vật chứng:

+ 330,16 gam ma túy Methamphetamine, 74,41 gam ma túy Heroine, 0,7 gam không phải chất ma túy, còn lại sau trích mẫu giám định: Xét thấy đây là vật Nhà nước cấm lưu hành, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy;

+ 01 túi bằng vải bạt màu xanh, 01 túi nilon màu xanh, nhiều túi nilon, mảnh nilon khác: Đây là những vật chứng liên quan đến tội phạm, cần tịch thu, tiêu hủy;

+ 01 áo vải dài tay, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T, 01 điện thoại di động OPPO F5, màu hồng có số IMEI1: 868272033776275, số IMEI2: 868272033776267: Đây là tài sản của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho bị cáo;

+ 01 điện thoại di động NOKIA 105, màu đen có số seri1: 353141113084185, số seri2: 353141118084180: Đây là vật chứng bị cáo dùng để liên lạc trong quá trình mua bán ma túy, cần tịch thu, sung quỹ nhà nước.

+ Số tiền 485.000 đồng thu giữ của bị cáo: Đây là một phần tiền công bán ma túy bị cáo được trả. Xét thấy số tiền có liên quan đến tội phạm, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[5] Về án phí: Do bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Căn cứ điểm h khoản 4 điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/9/2020.

Về vật chứng:

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) hộp niêm phong bằng bìa các tông, được dán kín xung quanh bằng giấy trắng. Tại mép dán của hộp niêm phong có chữ ký ghi rõ họ tên của những người tham gia niêm phong, người bị bắt, hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai và dán phủ bằng lớp băng dính trong suốt. Trên một mặt của hộp niêm phong in dòng chữ “Vật chứng còn lại sau thu mẫu, trích mẫu giám định thu giữ khi bắt quả tang và khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn T ngày 27/9/2020 tại tổ dân phố 11, thị trấn KY, huyện Văn B, tỉnh Lào Cai và tại thôn 3 Minh Th, xã Minh L, huyện Văn B, tỉnh Lào Cai”. Bên trong có 330,16 gam Methamphetamine; 74,41 gam Heroine; 0,7 gam không phải chất ma túy. Niêm phong còn nguyên vẹn, đúng quy định.

- 01 (một) hộp catton dán kín bằng giấy trắng, tại các mép dán có chữ ký của các T phần tham gia và hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai. Một mặt ghi “Vật chứng sau giám định dấu vết đường vân trong vụ Nguyễn Văn T có hành vi phạm tội về ma túy, phát hiện, thu giữ ngày 27/9/2020 tại tổ dân phố 11, thị trấn KY, huyện Văn B, tỉnh Lào Cai và tại thôn 3 Minh Th, xã Minh L, huyện Văn B, tỉnh Lào Cai”. Hộp niêm phong này chứa các mẫu vật giám định, gồm: Nhiều túi nilon, mảnh nilon. Niêm phong còn nguyên vẹn, đúng quy định.

- 01 (một) túi bằng vải bạt màu xanh;

- 01 (một) túi nilon màu xanh.

* Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động NOKIA 105, màu đen có số seri1: 353141113084185, số seri2: 353141118084180; đã cũ, đã qua sử dụng.

- Số tiền 485.000 đồng (bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T.

* Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T:

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T số 090976691 do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/02/2017;

- 01 (một) áo vải dài tay màu trắng kẻ sọc đen;

- 01 (một) điện thoại di động OPPO F5, màu hồng có số IMEI1: 868272033776275, số IMEI2: 868272033776267; đã cũ, đã qua sử dụng.

(Vật chứng là tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hiện đang được gửi trong tài khoản số 3949.0.9051074 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai

tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai theo Giấy nộp tiền ngày 03/11/2020. Những vật chứng còn lại được mô tả theo biên bản giao, nhận vật chứng số 17 ngày 26/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- PV 27 CA tỉnh;
- Trại tạm giam Lào Cai;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- THA Tòa án;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Lâm Hồng